

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN LỘC
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **32/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 16-6-2020.

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Anh Dũng**.

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Ông Trần Văn Xuân.**

2. Bà Trần Thị Kim Tân.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đinh Thị Hạ** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

- Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc: Không có.

Vào ngày 16 tháng 6 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số **628/2019/TLST-HNGĐ** ngày 06 tháng 12 năm 2019, về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **39/2020/QĐST-HNGĐ** ngày 29 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp 3, xã S, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Làm thuê.

Dân tộc: Kinh.

- Bị đơn: Chị **Phạm Thị M**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Số 53/2/1, ấp 2B, xã X, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Công nhân.

Dân tộc: Kinh.

(Anh Đ và chị M vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07-10-2019, trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Văn Đ trình bày:

Anh và chị Phạm Thị M tự nguyện sống chung và đăng ký kết hôn năm 2011, tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai. Cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm, nên thường xuyên cãi nhau, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Anh chị không còn sống chung từ năm 2012 đến nay. Nhận thấy không thể duy trì cuộc sống chung của vợ chồng nên anh yêu cầu ly hôn chị M.

Về con chung: Anh và chị M có 01 người con tên Nguyễn Quốc A, sinh ngày 04-10-2011, sống cùng anh từ năm 2012 đến nay, anh chăm sóc con đảm bảo, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Vợ chồng không vay nợ ai và không ai nợ vợ chồng.

Quá trình giải quyết vụ án chị Phạm Thị M trình bày: Chị đồng ý ly hôn, vì chị và anh Đ sống không hợp nhau.

Về con chung: Có 01 người con tên Nguyễn Quốc A, chị đồng ý giao cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng; Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Anh Nguyễn Văn Đ và chị Phạm Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt, nên áp dụng Khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Đ và chị M.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Giấy chứng nhận kết hôn số 53/2011, Quyền số I/2010 ngày 03-6-2011, của Ủy ban nhân dân xã S, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, cấp cho anh Đ – chị M đúng quy định pháp luật, nên hôn nhân của anh Nguyễn Văn Đ và chị Phạm Thị M là hợp pháp.

[3] *Xét yêu cầu của nguyên đơn:*

Anh Đ trình bày cuộc sống chung của vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm, nên thường xuyên cãi nhau, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Anh và chị M không còn sống chung từ năm 2012 đến nay. Quá trình làm việc, Tòa án đã triệu tập chị M nhiều lần nhưng chị M không đến Tòa án làm việc, chị M có đơn xin vắng mặt và nộp bản tự khai trình bày ý kiến là đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh Đ, cho thấy anh Đ và chị M không mong muốn Tòa án hòa giải mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ. Chứng tỏ, hôn nhân của anh Đ và chị M đã đến mức trầm trọng, đời sống chung

không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đủ căn cứ cho ly hôn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] *Về con chung*: Anh Đ và chị M có 01 người con tên Nguyễn Quốc A, sinh ngày 04-10-2011, anh Đ yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, chị M đồng ý và trùng với nguyện vọng của con, thời gian qua anh Đ chăm sóc con đảm bảo. Do đó, giao con chung cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Anh Đ không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

[5] *Về tài sản chung*: Anh Đ và chị M trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[6] *Về nợ chung*: Anh Đ và chị M trình bày không có nên không xét.

[7] *Về án phí*: Anh Nguyễn Văn Đ phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các điều 51, 56, 58, 81, 83, 84, 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Khoản 1, Điều 28; Điểm a, Khoản 1, Điều 35; Khoản 1, Điều 39; Khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí.

Tuyên xử :

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn Đ và chị Phạm Thị M.

2. Về con chung: Giao người con chung tên Nguyễn Quốc A, sinh ngày 04-10-2011, cho anh Nguyễn Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc khi anh Đ và chị M có yêu cầu khác.

Tạm thời chị Phạm Thị M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị M được thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản, nhưng không được làm ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi xét thấy cần thiết, các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc khoản cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ: Không giải quyết.

4. Về án phí:

Buộc anh Nguyễn Văn Đ nộp **300.000** (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí sơ thẩm về ly hôn. **300.000** (Ba trăm nghìn) tiền tạm ứng án phí anh Đ nộp theo Biên lai thu tiền số: **0003379** ngày **06-12-2019**, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc được chuyển thành tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Phạm Thị M được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận hoặc niêm yết Bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H.Xuân Lộc;
- Chi cục T.H.A dân sự H.Xuân Lộc;
- UBND xã S, H.Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: Án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Anh Dũng